TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM - PT.
Ngày 06 tháng 01 năm 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Bà Điêu Thị Bích Lượt

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLPT - KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐPT-KDTM ngày 29/11/2022 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2022/QĐ-PT ngày 14/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V N T V.**

Địa chỉ trụ sở: Số 89, phường L H, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Quang M và ông Nguyễn Triệu T; chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP V N T V (Theo Văn bản ủy quyền số 3302/2021/UQ-VPB ngày 17/11/2021). (có đơn xin xử vắng mặt)

- Bị đơn: **Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Đ H P T.**

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 33, khu 5, P. V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc L; chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 2, xã C X, huyện C K, tỉnh Phú Thọ

Nơi ở hiện tại: Nhà C22, chung cư X, phường V P, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Ngân hàng TMCP V N T V do ông Nguyễn Triệu T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019 và số: 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017và các khế ước nhận nợ kèm theo, Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Đ H P T (viết tắt là Công ty Đ H P T) địa chỉ trụ sở chính:Số nhà 33, khu 5, phường V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ do Ông Phạm Ngọc L - Chức vụ: Giám đốc là đại diện theo pháp luật vay vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần V N T V (gọi tắt là Ngân hàng V). Cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số: 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019:

- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động bán buôn tổng hợp (Bánh kẹo, hóa mỹ phẩm, thực phẩm, đồ uống không có cồn, hàng may sẵn, hàng tạp hóa).

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Khế ước nhận nợ số: 250620-5657689-01-SME ngày 25/6/2020:

- Số tiền nhận nợ: 66.093.000 đồng

- Thời hạn vay: 6 tháng, tính từ ngày 25/06/2020 đến ngày 25/12/2020

- Lãi suất cho vay trong hạn: 20%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 25/09/2020. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 12,7%/năm.

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số: 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020:

- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động bán buôn tổng hợp (Bánh kẹo, hóa mỹ phẩm, thực phẩm, đồ uống không có cồn, hàng may sẵn, hàng tạp hóa).

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Khế ước nhận nợ số: 021220-5657689-01-SME ngày 02/12/2020:

- Số tiền nhận nợ: 140.000.000 đồng

- Thời hạn vay: 6 tháng, tính từ ngày 02/12/2020 đến ngày 02/06/2021

- Lãi suất cho vay trong hạn: 20,5%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 02/03/2021. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 14%/năm.

3. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017:

- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động

- Hạn mức thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng*(Bốn mươi triệu đồng).*

- Thời hạn hạn mức tín dụng: 60 tháng.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Theo Hợp đồng bảo lãnh số:01/HĐBL/V-ĐHPT ngày 18/7/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/V-HL ngày 02/12/2020, bên bảo lãnh ông Phạm Ngọc L đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Đ H P T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số: 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017 ký giữa Công ty Đ H P T và Ngân hàng V bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Trước khi khoản vay chuyển sang quá hạn Công ty Đ H P T đã thanh toán cho Ngân hàng V số tiền là 45.383.849 đồng (trả gốc), 5.570.736 đồng (trả lãi) cho Hợp đồng cho vay hạn mức số 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019. Công ty Đ H P T đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với V. Do đó, V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tạm tính đến ngày 29/09/2022, Công ty Đ H P T còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là:

Nợ gốc: 160.709.151đồng

Nợ lãi: 87.837.590đồng

Nợ gốc thẻ: 39.568.913 đồng

Nợ lãi thẻ:40.558.960 đồng

Tổng cộng: 328.675.114 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi năm nghìn, một trăm mười bốn đồng).

Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ:

- Buộc Công ty Đ H P T phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 29/09/2022 số tiền là:

- Nợ gốc: 160.709.151đồng

- Nợ lãi: 87.837.590 đồng

- Nợ gốc thẻ: 39.568.913 đồng

- Nợ lãi thẻ:40.558.960 đồng

Tổng cộng: 328.675.114 đồng *(Ba trăm hai tám triệu, sáu trăm bảy mươi năm nghìn, một trăm mười bốn đồng).*

Trong trường hợp Công ty Đ H P T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V, đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Ngọc L có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty Đ H P T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty Đ H P T thực tế thanh toán hết nợ cho V.

* Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố V T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V N T V đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Đ H P T do ông Phạm Ngọc L là giám đốc về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Đ H P T, do ông Phạm Ngọc L là giám đốc phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V N T V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2022 là 328.675.114 đồng *(Ba trăm hai tám triệu, sáu trăm bảy mươi năm nghìn, một trăm mười bốn đồng).*Trong đó nợ gốc Hợp đồng cho vay hạn mức số 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019 và Hợp đồng vay hạn mức số 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020 là: 160.709.151đồng *(Một trăm sáu mươi triệu, bảy trăm linh chín nghìn, một trăm năm mươi mốt đồng)*; nợ lãi là 87.837.590đồng *(Tám mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm chín mươi đồng).* Nợ gốc thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017là 39.568.913 đồng *(Ba mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm mười ba đồng)*; nợ lãi thẻ là:40.558.960 đồng *(Bốn mươi triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng).*

Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Đ H P T, do ông Phạm Ngọc L là giám đốc không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V N T V thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V N T V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, xử lý tài sản bảo lãnh của ông Phạm Ngọc L theo Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/V-ĐHPT ngày 18/7/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số:01/HĐBL/V-HL ngày 02/12/2020 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Đ H P T, do ông Phạm Ngọc L là giám đốc còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng nghị: Tại quyết định kháng nghị số 509/QĐKNPT-VKS-P10 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 29/9/2022 của TAND thành phố V T với các nội dung:

1. Tòa án chưa thu thập, xác minh làm rõ một số nội dung quan trọng mà quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật:

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019 và khế ước nhận nợ số 250620-5657689-01-SME ngày 25/6/2020, lãi suất cho vay trong hạn là 20%/năm. Lãi suất sẽ được thay đổi theo phương thức điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 25/9/2020. Mức điều chỉnh bằng: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 12,7%/năm. Hợp đồng cho vay hạn mức số 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020 và các Khế ước nhận nợ số 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020 thì lãi suất cho vay trong hạn là 20,5%/năm. Lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 02/3/2021. Mức điều chỉnh bằng: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 14%/năm. Như vậy, các Hợp đồng tín dụng nêu trên kèm theo Khế ước nhận nợ đều có quy định về việc điều chỉnh lãi suất 03 tháng/01 lần và quy định các kỳ điều chỉnh. Tuy nhiên, quá trình giải quyết Tòa án nhân dân thành phố V T đã không yêu cầu Ngân hàng cung cấp, bổ sung tài liệu chứng cứ về việc điều chỉnh lãi suất theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng với Công ty Đ H để làm cơ sở giải quyết vụ án là vi phạm, khoản 1 Điều 96 BLTTDS quy định: *"Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Trường hợp tài liệu, chứng cứ giao nộp chưa bảo đảm đủ cơ sở để giải quyết vụ việc thì Thẩm phán yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung tài liệu…."*.

2. Vi phạm về việc áp dụng pháp luật

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HDTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

"1. Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định (Phần quyết định) như sau:

a) *Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu* ***khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án*** *theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015….*

Với hướng dẫn này cho thấy tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên xử về nghĩa vụ của bị đơn chỉ phải chịu ***khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc*** là không đúng theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán như viện dẫn trên. Việc quyết định như vậy là không đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn và không đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kháng cáo đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ về nội dung bổ sung chứng cứ nhưng giữ nguyên phần quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ trong hạn luật định, nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về việc thu thập tài liệu chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố V T đã không yêu cầu Ngân hàng cung cấp, bổ sung tài liệu chứng cứ về việc điều chỉnh lãi suất theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng với Công ty Đ H để làm cơ sở giải quyết vụ án nhưng

tại cấp phúc thẩm Ngân hàng TMCP V N T V đã cung cấp các quyết định về việc điều chỉnh lãi xuất theo hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ giữa ngân hàng và Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Đ H P T gồm: Quyết định số 570/2020/QĐ-TGĐ ngày 28/8/2020 (Bút lục 164); Quyết định số 728/2020/QĐ-TGĐ ngày 20/10/2020; (Bút lục 163); Quyết định số 207/2021/QĐ-TGĐ ngày 24/3/2021(Bút lục 162); Quyết định số 407/2021/QĐ-TGĐ ngày 15/6/2021 (Bút lục 161); đối chiếu với các quyết định trên thì tổng số tiền tính đến khi xét xử sơ thẩm không thay đổi như bản án sơ thẩm đã quyết định. Như vậy, tại cấp phúc thẩm ngân hàng đã cung cấp đầy đủ chứng cứ theo quy định và cũng làm thay đổi nội dung quyết định của bản án sơ thẩm nên không có căn cứ để sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[2.2] Kháng nghị về việc áp dụng pháp luật**:** Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, số tiền mà công ty Đ H còn nợ ngân hàng bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi; và đây được xác định là số tiền phải thi hành án mà công ty Đ H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng. Theo hướng dẫn tại điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP quy định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành (tức là bên có nghĩa vụ) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền này.

Trong vụ án này, nguyên đơn là Ngân hàng yêu cầu trong thời gian chưa thanh toán nợ thì Công ty Đ H vẫn phải chịu lãi suất theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Trong Hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng TMCP V N T V với Công ty Đ H đã thỏa thuận về lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả. Tuy nhiên, Bản án lại quyết định "*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Đ H do ông Phạm Ngọc L là Giám đốc còn phải chịu* ***khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc*** *chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này".* Việc quyết định như vậy là không đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn và không đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm Ngân hàng TMCP V N T V có văn bản số 193/2022/CV-LCC-KHDN MB01 ngày 21/11/2022 trình bày ý kiến: Ngân hàng đồng ý với nội dung trong Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 29/9/2022 của TAND thành phố V T và đề nghị được giữ nguyên các nội dung trong bản án. Vì vậy, cấp phúc thẩm cần công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

[2.3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng pháp luật nên cần giữ nguyên.

[2.4] Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V N T V theo văn bản số 193/2022/CV-LCC-KHDN MB01 ngày 21/11/2022 .

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 29/9/2022 của TAND thành phố V T.

1. Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V N T V đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Đ H P T do ông Phạm Ngọc L là giám đốc về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Đ H P T, do ông Phạm Ngọc L là giám đốc phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V N T V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2022 là 328.675.114 đồng *(Ba trăm hai tám triệu, sáu trăm bảy mươi năm nghìn, một trăm mười bốn đồng).* Trong đó nợ gốc Hợp đồng cho vay hạn mức số 180719-5657689-01-SME ngày 18/7/2019 và Hợp đồng vay hạn mức số 201120-5657689-01-SME ngày 02/12/2020 là: 160.709.151 đồng *(Một trăm sáu mươi triệu, bảy trăm linh chín nghìn, một trăm năm mươi mốt đồng)*; nợ lãi là 87.837.590 đồng*(Tám mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm chín mươi đồng).* Nợ gốc thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 191-C-387446 ngày 19/07/2017 là 39.568.913 đồng *(Ba mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm mười ba đồng)*; nợ lãi thẻ là: 40.558.960 đồng *(Bốn mươi triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng).*

Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Đ H P T, do ông Phạm Ngọc L là giám đốc không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V N T V thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V N T V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, xử lý tài sản bảo lãnh của ông Phạm Ngọc L theo Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/V-ĐHPT ngày 18/7/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số:01/HĐBL/V-HL ngày 02/12/2020để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Đ H P T, do ông Phạm Ngọc L là giám đốc còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo

quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và thương mại Đ H P T, do ông Phạm Ngọc L là giám đốc phải chịu 16.433.755 đồng *(Mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng).*

Ngân hàng Thương mại cổ phần V N T V được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 6.517.000 đồng *(Sáu triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0009131 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS thành phố V T;
- TAND thành phố V T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Tiến Dũng